

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/KDTM-PT**

Ngày: 03/02/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hương**

Các thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Lệ Trang**

Bà **Đỗ Thị Nhung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2020/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2020/KDTM-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2021/QĐ-PT ngày 06/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐ-PT ngày 26/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T(Việt Nam)

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường P, Quận N, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông H– Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Thùy N, sinh năm 1980.

Địa chỉ liên lạc: quận T1, thành phố C (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2019)

- Bị đơn: Công ty J

Địa chỉ: Khu công nghiệp 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông R-Chức vụ Chủ tịch kiêm tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế K, sinh năm 1961 (Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2020).

Do có đơn kháng cáo của Ông R – Người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

(Bà N, ông K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 12/2015 đến tháng 10/2017, theo yêu cầu của Công ty J, Công ty T có nhận cung cấp dịch vụ chuyển phát cho Công ty J và Công ty T đã thực hiện hoàn tất các chuyển phát này đến các khách hàng của Công ty J. Trong thời gian từ tháng 12/2015 đến tháng 7/2017 Công ty J vẫn nhận đầy đủ hóa đơn và thanh toán đúng thời hạn cho Công ty T. Tuy nhiên, từ hóa đơn phát hành ngày 7/8/2017 đến hóa đơn phát hành ngày 31/10/2017 Công ty J đã không thanh toán cho Công ty T.

Công ty T đã nhiều lần liên hệ Công ty J nhắc nhở việc thanh toán, cũng như nhiều lần gửi thư điện tử và công văn đề nghị thanh toán từ tháng 11/2017 đến 02/2018. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty J vẫn chưa thanh toán cước chuyển phát của các chuyển hàng đã phát hành hóa đơn nói trên cho Công ty T với lý do: Công ty T giao chậm 4 lô hàng của Công ty J và yêu cầu Công ty T phải đền bù thiệt hại là 5,000USD. Theo văn bản phản hồi ngày 7/9/2017 Công ty T đã thông báo việc giao trễ 4 lô hàng là do hệ thống mạng toàn cầu của Công ty T bị ảnh hưởng do virus tấn công và đã giảm trừ 30% tiền cước lô hàng số vận đơn 422233626 do giao hàng trễ 20 ngày số tiền $713.000\text{VND} \times 10\% \text{ VAT} = 784.300\text{VND}$ (Hóa đơn điều chỉnh số 33673 4/10/2017) như vậy Công ty T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo điều kiện điều khoản gửi hàng khi Công ty T cung cấp dịch vụ chuyển phát cho Công ty J.

Về hợp đồng, mặc dù không có ký kết chính thức giữa hai công ty; tuy nhiên hai công ty đã giao dịch với nhau từ tháng 12/2015 đến tháng 10/2017 (Công ty T xin nộp 3 lần giao dịch gần nhất trước vụ việc xảy ra gồm các hóa đơn tiền dịch vụ chúng tôi đã xuất và bằng chứng thanh toán của công ty J qua ngân hàng theo đính kèm hồ sơ) để thể hiện việc giao kết hợp đồng dịch vụ là đúng sự thật. Cụ thể có tổng cộng 20 hóa đơn quá hạn mà Công ty J chưa thanh toán cho Công ty T với tổng số tiền là 82.922.637, tiền lãi là 24.051.218đ.

Nay Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty J thanh toán cho nguyên đơn số tiền cước phí và lãi suất quá hạn như sau:

Nợ gốc: 82.922.637 đồng; Tiền lãi quá hạn tính từ ngày vi phạm 06/9/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 9%/năm.

**** Đại diện Bị đơn trình bày tại phiên tòa:***

Từ năm 2015 đến thời điểm tháng 6 năm 2017 Công ty J luôn tin tưởng vì các vận đơn của phía bị đơn đều được Công ty T giao đúng địa điểm và thời gian mà Công ty J yêu cầu. Việc thanh toán của bị đơn chưa bao giờ chậm trễ.

Tuy nhiên, ngày 27/6/2017, Công ty J có gửi cho công ty T một số lô hàng đi đến các nước Nhật, Trung Quốc và Pháp nhưng lô hàng gửi đến Pháp ngày 27/6/2017 gồm các loại túi xách thời trang bằng da bị chậm so với quy định là 28 ngày. Do nguyên đơn giao hàng trễ nên bị đơn đã bị mất cơ hội ký hợp đồng sản xuất và gia công sản phẩm với đối tác. Do đó, bị đơn không chấp nhận một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

1/ Không chấp nhận thanh toán số tiền 2.990.345đ là phí vận đơn gửi đi Pháp ngày 27/6/2017.

2/ Số tiền lãi 24.051.218đ nguyên đơn tính lãi quá hạn 1,50%/tháng là không có cơ sở vì theo các văn bản giữa các bên không có quy định tính lãi quá hạn.

3/ Yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn 288,18USD tương đương 6.685.776đ giá trị hàng mẫu gửi đi Pháp ngày 27/6/2017. Yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường cho bị đơn thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm phạm với số tiền 20.000.000đ.

Như vậy, đối trừ các khoản nợ thì công ty J chỉ chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn số tiền $106.973.855 - (2.990.345đ + 24.051.218đ + 6.685.776đ + 20.000.000đ) = 53.246.516đ$.

Ngoài ra, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét khoản tiền thiệt hại của bị đơn do mất cơ hội kinh doanh với số tiền 5.000 đô la Mỹ tương đương số tiền 115.875.000đ.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2020/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, 35, 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 74, 85 và 306 của Luật thương mại

Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty J phải thanh toán cho Công ty T(Việt Nam) số tiền nợ là 104.577.394đ (một trăm lẻ bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng) – Trong đó: Nợ gốc là 82.922.637đ (tám mươi hai triệu chín trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng) và tiền lãi là 21.654.457đ (hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày Công ty T(Việt Nam) có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty J chưa thi hành, thi hành không đầy đủ khoản tiền trên thì hàng tháng Công ty J còn

phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2020, bị đơn Công ty J có đơn kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2020/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm cụ thể: Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, không chấp nhận thanh toán số tiền 2.990.345 đồng và tiền lãi 21.654.757 đồng cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định và đúng quy định pháp luật nên được xem xét.

Về đường lối giải quyết: Khi sử dụng dịch vụ chuyển phát của công ty T bên bị đơn không có ý kiến đối với các điều khoản mà bên phía công ty T nêu ra đồng nghĩa với việc bị đơn chấp nhận với các điều khoản đó, đối với yêu cầu bồi thường khoản thiệt hại theo đơn phản tố của bị đơn, công ty yêu cầu bồi thường khoản này là không có cơ sở bị đơn không đưa ra được tài liệu nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty J, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty J làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung: Qua chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Công ty T có nhận cung cấp dịch vụ chuyển phát cho Công ty J, từ thời điểm năm 2015 đến tháng 7/2017 Công ty J đều thanh toán đầy đủ cho Công ty T. Tuy nhiên từ hóa đơn phát hành ngày 07/8/2017 đến ngày 31/10/2017 tổng cộng 20 hóa đơn với tổng số tiền là 82.922.63đ Công ty J đã không thanh toán cho Công ty T với lý do là Công ty T giao chậm 04 lô hàng của Công ty J. Xét lý do bị đơn chậm thanh toán tiền hóa đơn cho nguyên đơn là không có cơ sở vì khi giao dịch với nhau bên phía Công ty J đã thống nhất với các điều

khoản cung ứng dịch vụ của Công ty T đưa ra cụ thể bên phía Công ty T không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại xảy ra trong trường hợp chậm gửi hàng do lỗi khách quan là do hệ thống mạng toàn cầu của công ty T bị ảnh hưởng do virus tấn công, bên phía nguyên đơn cũng đã giảm trừ tiền cước đối với lô hàng bị chậm số tiền 784.300 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn cũng đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn khoản tiền trên.

Đối với khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán phía Công ty T yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước 9%/năm là có lợi cho bị đơn cụ thể bị đơn phải trả cho công ty T số tiền lãi là 21.654.457đ.

Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: $82.922.93đ + 21.654.457đ = 104.577.394đ$

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền gốc, lãi là 104.577.394đ là có căn cứ, kháng cáo của Công ty J không có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu của Công ty J buộc phía Công ty T bồi thường thiệt hại xảy ra thì Công ty J có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của Công ty J không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm đã giải quyết tranh chấp, xử lý chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm phù hợp với quy định pháp luật, bị đơn Công ty J kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty J; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2020/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, 35, 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 74, 85 và 306 của Luật thương mại

Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty J phải thanh toán cho Công ty T số tiền nợ là 104.577.394đ (một trăm lẻ bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng) Trong đó: Nợ gốc là 82.922.637đ (tám mươi hai triệu chín trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng) và tiền lãi là 21.654.457đ (hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty J chưa thi hành, thi hành không đầy đủ khoản tiền trên thì hàng tháng Công ty J còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty J phải chịu 5.228.000đ (năm triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí.

Hoàn trả cho Công ty T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.674.346đ (hai triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000036 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty J phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007027 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Biên Hòa (1);
- VKSND T.Đồng Nai (1);
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa (1);
- Dương sự (2);
- Lưu (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Đào

Đỗ Thị Nhung

Võ Văn Toàn

